TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản ỏn số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Hóa;

2. Ông Vũ Thành Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh P. (Có mặt);

2. Bị đơn: Chị La Thị L, sinh năm 1988. Nơi đăng ký thường trú: Khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh P. Nơi tạm trú: Xóm C, xã T, huyện H, tỉnh C. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Bùi Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị La Thị L kết hôn ngày 16/4/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ chị L: Xóm C, xã T, huyện H, tỉnh C và làm lao động tự do. Năm 2012, vợ chồng về ở trên nhà và đất của bố mẹ đẻ anh tại khu 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh P và đều lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 10/2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị L có quan hệ với người khác. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 03/2024, vợ chồng sống ly thân ai có cuộc sống riêng của người đó, không

quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 19/01/2011 và Bùi Gia H, sinh ngày 31/5/2017. Hiện nay, cháu B đang ở cùng anh, cháu H đang ở cùng chị L. Khi vợ chồng ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, nhưng cháu H có nguyện vọng ở với chị L thì anh cũng đồng ý theo quan điểm của cháu. Anh và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Ngoài hai nội dung trên, trong đơn khởi kiện, anh N còn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức đóng góp của vợ chồng, tuy nhiên, ngày 06/01/2025, anh N có "Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện" giải quyết về hai vấn đề này. Đến nay, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp nữa.

** Quá trình ủy thác thu thập chứng cứ, ngày 07/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành lấy lời khai chị La Thị L trình bày nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, thủ tục kết hôn và quá trình chị L và anh N chung sống như anh N trình bày là đúng. Đầu năm 2023, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt do chị đi làm, anh N ghen tuông không cho chị đi tụ tập, không cho chị tham gia Hội phụ nữ của khu. Khi chị đi tham gia các hoạt động theo tập thể và cùng mọi người đi làm thuê nấu cỗ, trang trí đám cưới thì anh N đánh chửi chị, khi chị không đi làm nữa thì lại cho là ăn bám. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải giữa hai vợ chồng có hàn gắn được một thời gian nhưng sau đó anh N vẫn không thay đổi vẫn chửi mắng chị. Chị và anh N đã sống ly thân từ hè năm 2024 đến nay. Chị xác định tình cảm với anh N không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Lệ xác định vợ chồng có hai con chung như nêu ở trên. Hiện nay cháu H đang ở với chị, cháu B đang ở với anh N Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Chị và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, vay nợ chung, các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang ở tại xóm Cốc Sâu, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Do điều kiện ở xa, không thể có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa để tham phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn N và chị La Thị L.

- Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Gia B, sinh ngày 19/01/2011, giao cho chị La Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Gia H, sinh ngày 31/5/2017. Anh N và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Bùi Văn N cư trú tại Thị trấn H, huyện H, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là chị La Thị L Cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N đề nghị không tiến hành hòa giải, chị L đã có lời khai đầy đủ và xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Tại phiên tòa, chị La Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn N và chị La Thị L kết hôn ngày 16/4/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, đây là một hôn nhân hợp pháp. Nay hai bên đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên anh N và chị L xin thuận tình ly hôn là tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị L có hai con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 19/01/2011 và Bùi Gia H, sinh ngày 31/5/2017. Hiện cháu B đang ở với anh N, cháu H đang ở với chị L. Nguyện vọng của cháu B được ở với anh N, nguyện vọng của cháu H được ở với chị L. Do vậy sau ly hôn giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với điều kiện và sự phát triển của các cháu. Do anh N và chị Lmỗi người nuôi một con chung, nên không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung và công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu giải quyết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, việc anh N có Đơn xin rút một phần yêu

cầu khởi kiện về việc giải quyết nội dung này là tự nguyện. Xét đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên của anh N phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Về nợ chung: Anh N và chị L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Bùi Văn N nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (nộp thay cả phần của chị La Thị L) theo định của pháp luật, xét là tự nguyện nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn N và chị La Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Gia B, sinh ngày 19/01/2011 (đang ở cùng anh Nam); giao cho chị La Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Gia H, sinh ngày 31/5/2017 (đang ở cùng chị L). Anh N, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của anh Bùi Văn N về giải quyết tài sản chung, công sức đóng góp.

4. Về nợ chung: Anh Bùi Văn N và chị La Thị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Anh Bùi Văn N tự nguyện chịu toàn bộ án tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa" số 0003144 ngày 19/11/2024 tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện Hạ Hòa. Hoàn trả lại cho anh Bùi Văn Nam 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND thị trấn Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoài Linh